TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ, TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HSST
Ngày: 14-8-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Đình Đ - Hiệu trưởng Trường THCS dân tộc nội trú huyện Đ.

Bà Trần Thị Bích V - Phó Giám đốc Trung tâm VHTT&TT huyện Đ, tỉnh G.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh N - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn P - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

HV, sinh ngày 22/3/1985 tại huyện TS, tỉnh B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T, huyện TS, tỉnh B; nơi tạm trú: Tổ 02, phường TS, thị xã A, tỉnh G; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông H(đã chết) và bà Châu Thị T, sinh năm 1946; vợ là chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1989; bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/3/2020, chuyển sang tạm giam ngày 20/3/2020 cho đến đến ngày xét xử sơ thẩm, hiện có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

+ Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Thôn 5, xã An Thành, huyện Đ, tỉnh G. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Trần Văn T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Hà Tam, huyện Đ, tỉnh G. Có đơn xin xét xử vắng mặt

+ Anh Nguyễn Thanh C, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Hà Tam, huyện Đ, tỉnh G. Có đơn xin xét xử vắng mặt

+ Anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Tổ 7, phường An Bình, thị xã A, tỉnh G. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Đồng Văn K, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định trộm cắp tài sản (là con chó) của người dân để bán lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, nên vào khoảng 00 giờ ngày 18/3/2020, HV tạm trú tại tổ 02, phường TS, thị xã A sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 0947.936.500 gọi vào số thuê bao 0972.393.851 của đối tượng tên Minh (thường gọi là Minh mập, hiện không xác định được nhân thân, lai lịch) rủ Minh đi trộm cắp chó, Minh đồng ý. Trước khi đi, Vân chuẩn bị một dây thòng lọng bắt chó, 01 đèn pin, 02 cái bao tải và 01 cuộn băng keo màu đen rồi đi bộ ra Quốc lộ 19, thuộc thị xã A đứng chờ. Khoảng 00 giờ 40 phút cùng ngày, Minh điều khiển xe mô tô (không xác định được biển kiểm soát) đến chở Vân ngồi sau chạy lên hướng huyện Đ, khi đến tổ 07, phường An Bình thị xã A phát hiện một con chó cái, sắc lông màu vàng có trọng lượng 19kg của anh Nguyễn Đức N, Minh điều khiển xe mô tô tới gần con chó để Vân ngồi phía sau cầm dây thòng lọng móc vào cổ chó rồi bỏ vào bao tải, Minh điều khiển xe mô tô chở Vân và con chó trộm cắp được đem về cất giấu trong ngôi nhà trọ của anh Đồng Văn K, thuộc tổ 04, thị trấn Đ, huyện Đ. Sau đó Minh tiếp tục điều khiển xe mô tô chở Vân chạy theo hướng Quốc lộ 19 lên hướng xã Hà Tam, huyện Đ, trên đường đi Vân tiếp tục sử dụng dây thòng lọng móc vào cổ con chó đực sắc lông màu vàng-đen có trọng lượng 14kg của anh Trần Văn T, 01 con chó cái sắc lông màu vàng-trắng, trọng lượng 13kg của anh Nguyễn Thanh C đều trú tại thôn 05, xã Hà Tam, huyện Đ. Trên đường đi về thị trấn Đ thì Minh và Vân tiếp tục dùng dây thòng lọng móc vào cổ một con chó cái sắc lông màu trắng-đen có trọng lượng 14kg của bà Nguyễn Thị V, trú tại thôn 05, xã An Thành, huyện Đ, các con chó sau khi trộm cắp được Vân bỏ vào bao tải đem về nhà trọ của anh Kha cất giấu. Đến khoảng 03 giờ 30 phút cùng ngày, khi HV đang ở trong nhà trọ anh Kha thì bị tổ công tác Công an huyện Đ phát hiện bắt giữ, riêng đối tượng Minh đứng ngoài xe chờ Vân, lợi dụng đêm tối đã lái xe mô tô bỏ trốn.

Sau khi nhận được thông báo Công an huyện Đ bắt giữ được đối tượng trộm cắp chó, các bị hại Nguyễn Đức N, Trần Văn T, Nguyễn Thanh C và Nguyễn Thị V đã đến Công an huyện Đ trình báo và yêu cầu điều tra xử lý đối tượng theo quy định của pháp luật.

* Tại bản kết luận định giá tài sản số: 03/KL-ĐGTS ngày 18/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: Giá trị 01 (một) con chó cái, sắc lông màu vàng có trọng lượng 19kg là 950.000 đồng; giá trị 01 (một) con chó đực, sắc lông màu vàng-đen có trọng lượng 14kg là 700.000 đồng; giá trị 01 (một) con chó cái, sắc lông màu đen-trắng có trọng lượng 14kg là 700.000 đồng; giá trị 01 (một) con chó cái, sắc lông màu vàng-trắng có trọng lượng 13kg là 600.000 đồng.

Tổng giá trị của 04 con chó có đặc điểm nêu trên là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ thu giữ và xử lý như sau:

01 (một) con chó cái, sắc lông màu vàng có trọng lượng 19kg đã trả lại cho bị hại Nguyễn Đức N; 01 (một) con chó đực, sắc lông màu vàng-đen có trọng lượng 14kg trả lại cho bị hại Trần Văn T; 01 (một) con chó cái, sắc lông màu đen-trắng có trọng lượng 14kg trả lại cho bị hại Nguyễn Thị V; 01 (một) con chó cái, sắc lông màu vàng-trắng có trọng lượng 13kg trả lại cho bị hại Nguyễn Thanh C.

Đối với vật chứng là 01 cái thòng lọng có cán kim loại dài 75cm, đầu cán có quấn cao su và băng keo màu đen dài 17cm, đuôi cán có cột dây kim loại màu trắng dài 119cm có cột vòng (thường gọi là thắt cổ chó), 01 đèn pin màu đen-cam, kích thước (90x08x08)cm, có buộc 02 dây màu đen đỏ dài lần lượt là 28cm và 42cm, hai đầu dây vải cùng cột vào dây cao su màu vàng dài 18cm, 02 lồng kim loại màu đen, kích thước (85x46x52)cm và (74x42x48)cm, 02 cái bao tải màu vàng kích thước mỗi cái là (106x59)cm, 01 điện thoại di động nhãn hiệu FORME màu nâu, hai bên viền có bọc kim loại màu trắng, số Imei 1: 359071082466721, số Imei 2: 359071082466709, có gắn 02 sim điện thoại, sim 1 có số 0359.220.385 và sim 2 có số 0947.936.500. Đây là những công cụ sử dụng vào việc phạm tội nên chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ để đảm bảo thi hành án.

Tại bản cáo trạng số: 12/CT-VKS ngày 03/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G đã truy tố bị can HV về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo HV phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm h, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt phạt bị cáo HV từ 09 tháng đến 01 (một) năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo vì gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận; ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn nêu các ý kiến về xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo HV đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến gì về cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ cũng như lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt.

Các bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt không có ý kiến gì về phần bồi thường dân sự, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy

định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G công bố bản Cáo trạng, bị cáo HV đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Đối chiếu lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng, phù hợp với kết luận điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở pháp lý để để xác định: Vào khoảng 00 giờ 40 phút 18/3/2020, bị cáo HV và đối tượng tên Minh đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 04 con chó có giá trị 3.000.000 đồng của các bị hại Nguyễn Đức N trú tại tổ 07, phường An Bình thị xã A, Trần Văn T, Nguyễn Thanh C trú tại thôn 05, xã Hà Tam, huyện Đ và Nguyễn Thị V trú tại thôn 05, xã An Thành, huyện Đ. Hành vi đó của bị cáo HV đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo HV về tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo là người bình thường, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì tham lam, lười lao động, thích hưởng lợi bất chính trên thành quả lao động của người khác nên đã trực tiếp đi tìm sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản gây hậu quả xấu làm mất an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện, vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội và mức độ lỗi để thể hiện được tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung, nhằm răn đe nâng cao ý thức tuân thủ chấp hành pháp luật cho mọi người dân.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Bị cáo HV không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, ngày 15/6/2007 bị Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh B tuyên phạt 21 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" và tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích và ngày 12/7/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh B tuyên phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích. Mặc dù đã từng bị kết án nhưng bị cáo không xem đó là bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do đó, cần phải xử bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc là cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo được cải tạo, giáo dục trở thành người có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, khi lượng hình cần lưu ý xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, cụ thể: Hành vi phạm tội của bị cáo gây thiệt hại không

lớn; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình được chính quyền địa phương xác nhận, cha và mẹ bị cáo là những người có công với cách mạng, bị thương tật trong chiến tranh, được cấp giấy chứng nhận hưởng chính sách thương binh, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác áp dụng cho bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về đối tượng tên Minh, quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành điều tra xác minh nhân thân, lai lịch đồng thời tra cứu số thuê bao điện thoại mà Minh sử dụng là 0972.393.851 liên lạc với bị cáo HV để trộm cắp tài sản, Minh sử dụng Giấy chứng minh nhân dân giả để đăng ký số thuê bao nên chưa xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng Minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định tách vụ án đối với hành vi của đối tượng Minh, đồng thời do vụ án hết thời hạn điều tra nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định tạm đình chỉ đối với hành vi của đối tượng Minh, khi nào bắt được sẽ xử lý bằng một vụ án khác.

[6] Đối với anh Đồng Văn K là chủ nhà trọ tại tổ 04, thị trấn Đ, huyện Đ mà bị cáo HV và đối tượng Minh cất giấu 04 con chó, quá trình điều tra xác định anh Kha cho một người tên Toàn nhà ở tỉnh Thanh Hóa (không xác định được nhân thân, lai lịch) thuê trọ, Toàn về Thanh Hóa từ tháng 02/2020 đến nay không vào lại huyện Đ, đồng thời Minh là người nói đem chó cất giấu tại nhà trọ của Toàn, bị cáo HV không quen biết với đối tượng Toàn, nên không có cơ sở để xác minh nhân thân, lai lịch của đối tượng Toàn để xử lý. Việc anh Kha không đăng ký tạm trú tạm vắng đối với đối tượng tên Toàn, Công an huyện Đ có hình thức nhắc nhở, giáo dục đối với anh Đồng Văn K về việc không đăng ký tạm trú cho người đã thuê nhà, yêu cầu không tái phạm.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Giữa bị cáo HV và các bị hại không có yêu cầu hay tranh chấp gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 (một) con chó cái, sắc lông màu vàng có trọng lượng 19kg cho bị hại Nguyễn Đức N; 01 (một) con chó đực, sắc lông màu vàng-đen có trọng lượng 14kg trả lại cho bị hại Trần Văn T; 01 (một) con chó cái, sắc lông màu đen-trắng có trọng lượng 14kg trả lại cho bị hại Nguyễn Thị V; 01 (một) con chó cái, sắc lông màu vàng-trắng có trọng lượng 13kg trả lại cho bị hại Nguyễn Thanh C. Sau khi nhận lại tài sản, các bị hại đều không yêu cầu giải quyết gì thêm về phần trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với vật chứng: 01 cái thòng lọng có cán kim loại dài 75cm, đầu cán có quấn cao su và băng keo màu đen dài 17cm, đuôi cán có cột dây kim loại màu trắng dài 119cm có cột vòng (thường gọi là thắt cổ chó), 01 đèn pin màu đen-cam, kích thước (90x08x08)cm, có buộc 02 dây màu đen đỏ dài lần lượt là 28cm và 42cm, hai đầu dây

vải cùng cột vào dây cao su màu vàng dài 18cm, 02 lồng kim loại màu đen, kích thước (85x46x52)cm và (74x42x48)cm, 02 cái bao tải màu vàng kích thước mỗi cái là (106x59)cm; 02 sim điện thoại, sim 1 có số 0359.220.385 và sim 2 có số 0947.936.500, đây là những công cụ sử dụng vào việc phạm tội, hiện không có giá trị sử dụng và không sử dụng được nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu FORME màu nâu, hai bên viền có bọc kim loại màu trắng, số Imei 1: 359071082466721, số Imei 2: 359071082466709, đây là công cụ sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[8] Về hình phạt bổ sung phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, xét gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo không có nghề nghiệp, được chính quyền địa phương xác nhận nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo HV phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo HV 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 18/3/2020.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự,

- Tịch thu tiêu hủy vật chứng bị cáo sử dụng làm công cụ để thực hiện hành vi phạm tội, hiện không có giá trị sử dụng và không sử dụng được gồm: 01 cái thòng lọng có cán kim loại dài 75cm, đầu cán có quấn cao su và băng keo màu đen dài 17cm, đuôi cán có cột dây kim loại màu trắng dài 119cm có cột vòng (thường gọi là thắt cổ chó), 01 đèn pin màu đen-cam, kích thước (90x08x08)cm, có buộc 02 dây màu đen đỏ dài lần lượt là 28cm và 42cm, hai đầu dây vải cùng cột vào dây cao su màu vàng dài 18cm, 02 lồng kim loại màu đen, kích thước (85x46x52)cm và (74x42x48)cm, 02 cái bao tải màu vàng kích thước mỗi cái là (106x59)cm; 02 sim điện thoại, sim 1 có số 0359.220.385 và sim 2 có số 0947.936.500.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu FORME màu nâu, hai bên viền có bọc kim loại màu trắng, số Imei 1: 359071082466721, số Imei 2: 359071082466709, thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo đã sử dụng làm công cụ phạm tội.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/7/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh G).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử buộc bị cáo HV phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (14/8/2020); các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh G (01 bản);
- VKSND huyện Đ (02 bản);
- Công an huyện Đ (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Đ (01 bản);
- Bị cáo; các bị hại;
- Lưu hồ sơ THAHS- TA ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Đ